

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Len

2. Bà Lê Thị Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lương Thị L - Sinh năm 1997

Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: anh Cao Tiến H - Sinh năm 1986

Đại chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2023, bản tự khai ngày 27/6/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Tiến H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ tháng 3/2017 nhưng đến ngày 31/01/2019 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi đăng ký kết hôn một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột. Không chịu được cuộc sống chung với anh H nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở huyện N, tỉnh Nghệ An, sinh sống từ tháng 11/2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lương Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Tiến H.

Về con chung, chị L trình bày: Chị và anh H có 03 con chung là:

- Cao Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/2017
- Cao Thị Khánh H2, sinh ngày 04/7/2020
- Cao Thị Khánh H3, sinh ngày 04/7/2020

Các cháu đều phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 cháu H1H2H3 và đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 500.000 đồng

Về tài sản và công nợ: Chị Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị L đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lương Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng thực giấy khai sinh; bản sao chứng thực căn cước công dân của vợ chồng và sổ hộ khẩu. Sau khi thụ lý vụ án, chị L nộp thêm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến của bị đơn Cao Tiến H:*

Về hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 anh H công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị L đã trình bày. Từ năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, chị L đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 11/2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, tình cảm đã không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Lương Thị L.

Về con chung, anh H công nhận, anh và chị L có 03 con chung là: Cao Thị Thanh H1 sinh ngày 18/7/2017; Cao Thị Khánh H2 sinh ngày 04/7/2020; Cao Thị Khánh H3 sinh ngày 04/7/2020. Anh H đồng ý để chị L nuôi cả 3 con chung, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu một tháng 500.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Tiến H4 đều có đơn xin vắng mặt.

Phân tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị L và anh H4 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện N tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H4.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Cao Tiến H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/01/2019. Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8; 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm nên không thể hòa hợp; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Hiện nay chị L và anh H đã sống ly thân; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L và anh H đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Lương Thị L và anh Cao Tiến H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Xét nguyện vọng của chị L và anh H về trách nhiệm nuôi con chung thấy rằng: Anh chị đều thống nhất: Chị L trực tiếp nuôi cả 03 con chung của anh chị là các cháu: Cao Thị Thanh H1Cao Thị Khánh H2Cao Thị Khánh H3; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu một tháng 500.000 đồng. Nguyện vọng của chị L và anh H phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản và công nợ:* chị Lương Thị L và anh Cao Tiến H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* chị Lương Thị L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Cao Tiến H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia Đ;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị L và anh Cao Tiến H; cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Lương Thị L và anh Cao Tiến H.

Về con chung: Giao cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi 03 con chung của chị và anh Cao Tiến H là:

- Cao Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/2017
- Cao Thị Khánh H2, sinh ngày 04/7/2020
- Cao Thị Khánh H3, sinh ngày 04/7/2020

Anh Cao Tiến H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu một tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2021/0003930, ngày 27/6/2023. Chị H đã nộp đủ tiền án phí

Anh Cao Tiến H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- UBND xã Thanh Tân, H. Như Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy